

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **105/2020/DS-ST**

Ngày: **10/06/2020.**

**V/v tranh chấp: hợp đồng góp
hụi.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thăng

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan

Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-DS ngày 25/2/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST-DS ngày 22/05/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN NGỌC G** – sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

2. Bị đơn: **NGUYỄN THỊ S** – sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G trình bày: vào ngày 05/1/2015 bà có tham gia dây hụi lúa 4 tháng loại hụi 3.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị S làm chủ hụi, có 16 phần, bà tham gia 3 phần. Sau khi tham gia bà đóng được 10 kỳ hụi sống thì bà S kêu không đóng nữa. Dây hụi này đến tháng 02/2020 hụi mãn. Trong dây hụi này bà chưa hốt hụi. Khi hụi này mãn bà S còn nợ bà số tiền là 90.000.000 đồng, bà S có trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Trong số

90.000.000 đồng này chưa tính tiền huê hồng hai phần, còn phần 21.000.000 đồng bà S đã trả trước đã tính tiền huê hồng rồi, tiền huê hồng của từng phần là 1.500.000 đồng. Phần 50.000.000 đồng bà chưa tính tiền huê hồng cho bà S vì bà S đã để trễ quá lâu không giao tiền, nếu bà S giao tiền đúng hạn theo vụ thì bà tính tiền huê hồng cho bà S. Nay bà yêu cầu bà S trả lại bà số tiền 50.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: vào ngày 05/01/2015 bà có tổ chức dây hụi lúa 4 tháng khui 01 lần, loại hụi 3.000.000 đồng, có tổng cộng 16 phần, bà G tham gia 3 phần. Sau khi tham gia bà G đóng được 10 kỳ hụi sống, thì bà ngưng do các dây hụi khác của bà bị bể nhưng dây hụi này vẫn phải giao. Khi tổng kết nợ lại thì bà còn nợ bà G số tiền 90.000.000 đồng, bà trừ tiền huê hồng mỗi phần là 1.500.000 đồng nên 3 phần là 4.500.000 đồng. Do đó bà còn nợ bà G số tiền 85.500.000 đồng. Hụi này mãn vào tháng 02/2020 âm lịch, sau đó bà có trả cho bà G được số tiền 40.000.000 đồng (lần 1 trả 21.000.000 đồng, lần 2 trả 13.000.000 đồng, lần 3 trả 3.000.000 đồng, lần 4 trả 3.000.000 đồng), nên hiện tại bà còn nợ bà G số tiền là 45.500.000 đồng. Nay bà G yêu cầu bà trả số tiền 50.000.000 đồng, bà không đồng ý, bà chỉ chấp nhận trả số tiền 45.500.000 đồng và xin trả dần mỗi vụ lúa 4 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả lại số tiền hụi là 48.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S chấp nhận trả cho bà G số tiền 48.000.000 đồng và xin trả dần mỗi vụ lúa 4 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G, buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền hụi là 48.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp "hợp đồng góp hụi".

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G là có cơ sở: vì bà Nguyễn Ngọc G có tham gia 3 phần hụi của dây hụi lúa 4 tháng loại 3.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị S làm chủ vào ngày 05/01/2015. Sau khi tham gia bà G đóng được 10 kỳ hụi sống thì bà S đề nghị ngưng nhưng vẫn phải giao hụi. Dây hụi này đến tháng 02/2020 âm lịch sẽ mãn, phía bà G vẫn chưa hốt hụi. Sau khi hụi mãn hai bên tổng kết nợ lại thì bà S còn nợ lại bà G số tiền 90.000.000 đồng. Sau đó bà S có trả cho bà G được số tiền 40.000.000

đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng đến nay chưa trả cho bà G. Vấn đề này được bà Nguyễn Thị S thừa nhận, nên xác định giữa bà G và bà S đã xác lập hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, hiện đây hụi này đã mãn nhưng bà S vẫn chưa giao đủ tiền hụi cho bà G, nên phía bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà S trả tiền cho bà G là có cơ sở. Tại phiên tòa giữa bà G và bà S thỏa thuận số tiền bà S phải trả cho bà G là 48.000.000 đồng sau khi cần trừ tiền huê hồng là 2.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện của bà G và bà S nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về tiền lãi: bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về thời gian trả: bà G yêu cầu bà S trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này bà S để kéo dài không trả cho bà G đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà G, nên cần buộc bà S trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của bà S xin trả dần số tiền 48.000.000 đồng là mỗi vụ lúa 4 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét ý kiến này của bà S là không có cơ sở vì như đã phân tích ở trên và phía bà G cũng không chấp nhận cho bà S trả dần mỗi vụ lúa 4 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nên ý kiến này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 275, 280, 471 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng các Điều 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu phưởng

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G

Buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền hụi là **48.000.000 đồng** (bốn mươi tám triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu **2.400.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc G **1.250.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai số 0016357 ngày 25/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh